

VAI TRÒ CỦA CA DAO DÂN TỘC TÀY TRONG GIÁO DỤC NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Cao Thị Thu Hoài¹, Hoàng Thị Trà Mi¹, Lưu Thị Huệ¹

Tóm tắt: Đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con người, đặc biệt là trẻ mầm non, ngôn ngữ giữ một vai trò rất quan trọng. Ở các vùng dân tộc thiểu số, việc giáo dục ngôn ngữ tiếng Việt càng trở nên cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, sử dụng ca dao dân tộc Tày là một con đường hiệu quả góp phần quan trọng vào việc phát triển năng lực ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, bài viết sẽ phân tích, làm rõ những vai trò cụ thể của ca dao dân tộc Tày trong giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số ở các khía cạnh cụ thể như: Ca dao dân tộc Tày cung cấp cho trẻ hệ thống vốn từ vựng địa phương bình dị, gần gũi; góp phần mở rộng vốn từ cho trẻ qua những trò chơi dân gian truyền thống; cung cấp cho trẻ hệ thống từ ngữ giàu âm thanh, nhịp điệu.

Từ khoá: dân tộc, Tày, ngôn ngữ, trẻ, mầm non

1. MỞ ĐẦU

Khu vực trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam có hơn 31 dân tộc thiểu số (DTTS) thuộc nhiều nhóm ngôn ngữ cùng sinh sống, trong đó có nhóm ngôn ngữ Tày – Thái. Ở những vùng sâu vùng xa, về cơ bản, nhiều tộc người, bên cạnh việc sử dụng tiếng mẹ đẻ (tiếng dân tộc – ngôn ngữ mẹ đẻ (L1)), họ còn sử dụng tiếng phổ thông (tiếng Việt) để phục vụ cho nhu cầu giao tiếp hàng ngày [2]. Một số tộc người sống ở vùng sâu, điều kiện sống tách biệt, chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp nên trẻ em ở nơi này khi theo học ở trường mầm non gặp khó khăn trong việc học tiếng Việt.

Dân tộc Tày là một trong số 54 dân tộc ở Việt Nam, thường chủ yếu tập trung ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc như Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn,... Đây là một trong những dân tộc có bản sắc văn hoá riêng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo tại các vùng miền núi khó khăn, năm 2021, Bộ giáo dục và đào tạo đã ban hành đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ”. Một trong những nội dung được đề cập đến ở đây chính là việc lồng ghép các giải pháp thực hiện nội dung giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc bằng cách dựng bản

¹ Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

đồ ngôn ngữ ở các tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số nhằm hỗ trợ công tác giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ [1]. Trong đó, sử dụng tác phẩm văn học dân gian – cụ thể là ca dao dân tộc Tày được coi là con đường hữu hiệu để thực hiện có hiệu quả việc giáo dục ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ tại các vùng DTTS.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vài nét về ca dao dân tộc Tày

Theo từ điển *Tiếng việt*, ca dao là thơ ca dân gian Việt Nam được truyền miệng dưới các câu hát không theo một vần điệu nhất định, thường phổ biến theo thể thơ lục bát dễ nhớ, dễ thuộc [6, tr.93].

Tác giả Vũ Ngọc Phan trong cuốn *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam* đã định nghĩa về ca dao như sau: “*Ca dao là một loại thơ dân gian có thể ngâm được như các loại thơ khác và có thể xây dựng thành các điệu dân ca*” [5, tr.42].

Dân tộc Tày có kho tàng văn học dân gian rất đa dạng và phong phú, với nhiều thể loại như truyện cổ, truyện thơ, thành ngữ, tục ngữ, ca dao, câu đố... Trong đó, ca dao là một phần quan trọng trong đời sống của đồng bào dân tộc Tày. *Ca dao dân tộc Tày là lời thơ của dân ca Tày khi tách lời ca ra khỏi điệu hát* [4].

Ca dao dân tộc Tày là nơi kết tinh, lưu giữ vốn sống và những kinh nghiệm quý báu của dân gian. Đây là loại hình nghệ thuật truyền miệng từ đời nay qua đời khác được đồng bào dân tộc Tày giữ gìn, bảo tồn. Ca dao dân tộc Tày rất độc đáo, đề cập đến những vấn đề sự vật, hiện tượng tự nhiên, với đối tượng là sự việc và con người tại các bản làng xa xôi – nơi còn nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế, xã hội.

Ca dao dân tộc Tày với ưu thế là những câu hát, câu vè mộc mạc, gần gũi, dễ thuộc, dễ nhớ, với vần điệu vui tươi, rộn ràng giúp trẻ không chỉ được bồi đắp thêm vốn ngôn ngữ đa dạng, phong phú của dân tộc mà còn được tắm mình trong suối nguồn vô tận của văn hoá dân gian.

Hiện nay, vấn đề lựa chọn và sử dụng những ca dao dân tộc Tày trong các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non đã nhận được sự quan tâm của không chỉ các nhà trường, giáo viên mầm non mà còn có sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu có đề cập đến mảng ca dao dân tộc Tày như: *Mấy vấn đề về phương pháp giảng dạy – nghiên cứu văn học dân gian* (Hoàng Tiến Tựu), *Tìm hiểu đồng dao người Việt* (Triều Nguyên), *Về, câu đố, đồng dao các dân tộc Thái, Nùng, Tày* (Hoàng Thị Cành), *Đồng dao và trò chơi trẻ em dân tộc thiểu số trong đời sống hiện nay* (Lèng Thị Lan)... Những bài viết này đều khẳng định vai trò và tầm quan trọng của ca dao dân tộc Tày đối với giáo dục trẻ em nói chung, trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số nói riêng.

2.2. Vai trò của ca dao dân tộc Tày với giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non

Những bài ca dao dân tộc Tày theo cách nói vần đã làm tốt chức năng biểu đạt ý, giáo dục nhận thức, bồi dưỡng tình cảm cho trẻ. Khi được làm quen với các bài ca dao này, trẻ không thuộc bài thụ động mà thuộc với tất cả sự hứng thú và say mê. Tham gia sinh hoạt ca dao, những đứa trẻ đã bắt đầu bước vào sinh hoạt văn hóa tập thể một cách tự nguyện. Trên cơ sở tập hợp những bài ca dao dân tộc Tày (đã được dịch sang tiếng Việt) hiện đang được sử dụng trong các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non, chúng tôi nhận thấy, ca dao dân tộc Tày có vai trò quan trọng trong việc giáo dục ngôn ngữ - đặc biệt là ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non tại các vùng DTTS, cụ thể như sau:

Ca dao dân tộc Tày cung cấp cho trẻ hệ thống từ vựng phong phú, gắn với đặc điểm địa phương và dân tộc

Nội dung nhiều bài ca dao của trẻ em Tày phản ánh thế giới thiên nhiên cụ thể, gần gũi với môi trường sinh hoạt của trẻ nhỏ. Với một hệ thống vốn từ miêu tả bình dị như bếp lửa hồng, mái nhà sàn, chiếc cầu vào bản, nương rẫy, cánh đồng, ruộng lúa,...

Hệ thống từ ngữ miêu tả thế giới loài vật trong ca dao dân tộc Tày rất phong phú, sinh động. Gần gũi nhất với trẻ em Tày là con gà, con vịt, con trâu... nhỏ hơn là những *con kiến, con ve sầu, đom đóm*,... hay những con bay cao xa như chim én, dơi, chào mào, chích choè, sáo sậu...

Ca dao dân tộc Tày luôn gắn liền với những công việc thường ngày mà các em đã tham gia lao động với cha mẹ, những công việc này đã dạy cho các em biết chia sẻ công việc, niềm vui, niềm hạnh phúc trong gia đình, với một hệ thống từ ngữ như: “Xay khẩu”, “Tằm khẩu”, “Nhên xí lái”,...

Đặc điểm cơ bản ngôn ngữ trong ca dao dân tộc Tày là sự giản dị, mộc mạc, vô tư, hồn nhiên, điều đó khiến cho ca dao Tày trở nên dễ nhớ, dễ thuộc. Đó là ngôn ngữ về thế giới tự nhiên, xã hội, đời sống sinh hoạt hàng ngày của trẻ em Tày. Ngoài ra còn có hệ thống từ ngữ về những người thân gần gũi như em bé, mẹ, bố, chị, anh, ông, bà... hay những từ ngữ chỉ các bộ phận của con người như bàn tay, đôi chân, mắt, tai,...; đến hệ thống từ ngữ chỉ thời gian, không gian cụ thể như: buổi sáng, buổi tối, ngày đêm, chiều,...: trời, trăng, sao,... Hay các hiện tượng thiên nhiên như: nắng, mưa, gió,... Có thể kể đến hệ thống ngôn ngữ miêu tả, trần thuật về đặc điểm loài trong các bài ca dao như “*Ói nỉ nắc*” (con ve sầu): “*Păn cà lì cà lét/ Oóc đét nung sửa lương (đậu đậu cứ xoay tròn/ ra nắng mặc áo vàng)*”; hay bài “*Ú lều*” (con trâu): “*Cóoc mầu cóoc mạy khoang/ Đang mầu đang mạy giể/ Mầu chá loóc mầu thai (Sừng mầy sừng cây trúc/ Thân mầy thân cây nghiêng/ Hai cặp sừng cuốn chặt)*,...”.

Ca dao dân tộc Tày góp phần mở rộng vốn từ cho trẻ qua những trò chơi dân gian truyền thống

Bộ phận đồng dao trong ca dao Tày luôn song hành với những trò chơi cụ thể, mang sắc thái riêng của người Tày, đó là những sáng tạo của trẻ em hoặc cũng có thể do người lớn tham gia điều chỉnh lời hát hoặc cách chơi, luật chơi. Trẻ em dân tộc Tày vừa tham gia trò chơi, vừa hát, vừa làm động tác theo nhịp bài ca dao. Qua lời ca trẻ được luyện nói, rèn luyện sự khéo léo của bàn tay, được tập đi với các trò chơi sử dụng đôi chân, được luyện thính tai, nhanh mắt.

Các bài ca dao “*Chia ống đũa*”, “*Chi vi chi vít*”, “*Trón mụ rần*” gắn với trò chơi “*Quăng quật*”, góp phần rèn luyện cho trẻ sự nhanh nhẹn và lòng dũng cảm. Bài “*Chữa búi*” gắn với trò chơi em bé đóng vai bác sĩ chữa bệnh cho dân làng. Khi chơi trò chơi này, trẻ vừa đọc lời ca vừa nín hơi thổi mạnh vào mắt để chữa bệnh cho “bệnh nhân”.

Các trò chơi trên đều lý thú, bổ ích, chứa đựng sự thông minh, sáng tạo, phù hợp với lứa tuổi mầm non. Qua những lời ca dao nhẹ nhàng, vui tươi, trẻ được tham gia vào môi trường diễn xướng tác phẩm văn học dân gian, vừa được tham gia sinh hoạt cộng đồng, nhờ đó mà có sự gắn kết với cộng đồng, có ý thức về văn hoá cộng đồng. Như vậy, không chỉ năng lực ngôn ngữ mà những phẩm chất như tư duy trí tuệ, thể chất của trẻ cũng được bồi đắp và phát triển.

Ca dao dân tộc Tày cung cấp cho trẻ hệ thống từ ngữ giàu âm thanh, nhịp điệu, giàu hình ảnh

Trong hệ thống những bài ca dao dân tộc Tày, ngoài những bài đồng dao được sáng tác cho trẻ em và chủ yếu do trẻ em lưu truyền còn có những bài hát ru có nhịp điệu êm ái, dịu dàng, thấm đượm tình yêu thương với nội dung rất phong phú, đa dạng. Lời hát ru thường được bắt đầu bằng “*Nọong ời nòn...*”, “*Ư' à ư*”, “*Ơi nọong ời nòn...*”, đó là những lời hát ru uyển chuyển, êm dịu của người chị để ru em ngủ, có khi là những lời ru đọng đầy tình cảm của người mẹ hoặc người bố dành cho con. Hát ru em cũng là một cách bắc cầu trí tuệ, tâm hồn cho thế hệ sau. Có thể thấy, lời hát ru có ích lợi lớn đối với trẻ về phần nhạc điệu và âm thanh. Những âm thanh, nhạc điệu cùng với tình cảm của người chị, hình ảnh, ngôn ngữ, biểu tượng của lời ru tác động đến trẻ, làm cho trẻ phát triển về mặt tâm lý và ngôn ngữ, góp phần hình thành, bồi dưỡng nhân cách đạo đức và góp phần phát triển tình cảm, tư duy cho trẻ.

Thể thơ của ca dao dân tộc Tày gồm hai, ba, bốn tiếng, năm tiếng và thể hỗn hợp. Có hơn một phần ba số lượng thể thơ năm tiếng. Trong đó, thể thơ hỗn hợp rất được ưa chuộng. Các thể thơ trong ca dao dân tộc Tày đều có kết cấu chuỗi sự vật, sự việc và có sự liên kết tới chủ đề. Cái đẹp của các bài ca dao dân tộc Tày trước hết là lối gieo vần,

ngắt nhịp. Ca dao Tày bài ngắn nhất là bốn câu, dài có khi tới hai, ba chục câu, các câu trong bài được gắn với nhau, tạo thành một bài ca nhờ lối gieo vần. Ca dao Tày đều sử dụng phổ biến loại vần (bằng hoặc trắc) gieo vào tiếng cuối dòng trước với tiếng thứ hai hay thứ ba dòng sau, và tiếng cuối của dòng sau vần với tiếng thứ hai (hay thứ ba) của dòng kế tiếp. Ngắt nhịp chủ yếu của ca dao Tày là ngắt nhịp 2, 3. Cách ngắt nhịp này tạo ra tiết tấu gọn gàng phù hợp với hoạt động của trẻ khi vừa đọc bài ca dao, vừa đi, đứng, chạy, nhảy.

Bài “*Rọng vạ phân*” ngắt nhịp 2/2 rất phù hợp với cách nói, cách nhảy nhót, rung vách, rung nhà sàn của trẻ em Tày:

Rọng vạ phân

Phạ ơi,/ phân cái

Mặc lại/ vần lai

Mác cai/ vần xỏi

Co cuối/ lồng lờ

Rườn rưa/ khai khẩu

Rườn tẩu/ khai pja

Tua ma/ háu lảng

Tua ngoảng/ goảng đông

Vỏ Nồng / xẻ pản.

Dịch:

Gọi trời mưa

Trời ơi,/ mưa lớn

Cho muỗm/ quả sai

Quả lai/ trầu cành

Chuối xanh/ buông trở

Nhà trên/ bán gạo

Nhà dưới/ bán cá

Con chó /sủa nhà

Con ve/ hát vang

Người Nùng/ xẻ gỗ.

Các bài ca dao dân tộc Tày thường sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa. Bằng phép nhân hóa, con kiến, con đom đóm, con ve sầu, con chuồn chuồn, con gà, con vịt,...

đến ngôi sao, trăng, gió,... đều trở nên có tâm hồn, đều là những người bạn thân thiết của trẻ thơ. Các em gọi “đom đóm ơi”, “kiến hời, kiến hời”, “trăng ơi”, gọi cả trời, nắng, mưa... như thể chúng cũng biết nghe, biết nói:

Nai hình hời

*Hình hời ơi hình hời
Vắt vắt lòng sườn ỏi
Chỏi chỏi lòng xum qua
Mầu kin slé bầu qua
Nằm tha câu rằm khen sửa
Vỏ mẽ đá câu lại.*

Dịch: ***Van đom đóm***

*Đom đóm ơi, đom đóm
Nhấp nháy sáng vườn mía
Chiếu sáng tìm hóc bí
Mày ăn nát lá bí
Nước mắt tao ướt đầm tay áo
Bố mẹ mắng tao nhiều.*

Ngôn ngữ so sánh cũng được tác giả dân gian sử dụng trong ca dao dân tộc Tày. Nhờ những hình ảnh so sánh mà trẻ có thể hình dung, tưởng tượng và tự bồi dưỡng tâm hồn thêm phong phú, hình thành kỹ năng quan sát tinh tế, hiểu sâu sắc các sự vật, hiện tượng hơn, phát triển trí tưởng tượng cho trẻ. Ví như hệ thống từ ngữ so sánh, nhân hoá trong bài ca dao sau:

Ú lều

*Ú lều ... ú lều...tùm
Coóc mầu lặc mạy khoang
Đang mầu đang mạy roóc
Mạy giể tin tềnh coóc
Mạy roóc tin nưà tàng
Coóc mạy khoang màn tấc
Đang mạy roóc đúc điểm.*

Dịch:

Chọi trâu

*Ú lều ... ú lều...tùm
Sừng mảy như rễ trúc
Thân mảy như gỗ roóc
Gỗ nghiêng mọc trên sừng
Gỗ roóc mọc trên đường
Sừng thân trúc khó gãy
Thân gỗ roóc buồn nôn*

Ngôn ngữ trong ca dao Tày được trẻ em hát, chơi trò chơi truyền miệng hoặc ghi thành văn bản tới ngày nay. Hệ thống từ ngữ hình ảnh trong ca dao dân tộc Tày rất phong phú, sinh động về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, tất cả đều gần gũi với trẻ em Tày từ ấu thơ đến khôn lớn.

Trong quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non, ca dao dân tộc Tày có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thông qua các bài ca dao dân tộc Tày, giáo viên có thể tiến hành phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non như: giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, phát triển lời nói mạch lạc, phát triển ngôn ngữ nghệ thuật. Ca dao dân tộc Tày là sự mô tả một cách sinh động, đơn giản nhất những sự vật, sự việc của cuộc sống. Thông qua các bài ca dao dân tộc Tày vốn hiểu biết và ngôn ngữ của trẻ được hình thành, bồi đắp và phát triển.

3. KẾT LUẬN

Sử dụng ca dao dân tộc Tày thường xuyên trong các hoạt động ở trường mầm non góp phần phát triển cho trẻ không chỉ về ngôn ngữ mà còn về tất cả các lĩnh vực khác như nhận thức, đạo đức, thể chất và thẩm mỹ. Khi lựa chọn và sử dụng ca dao dân tộc Tày trong các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non, giáo viên cần hiểu rõ được nội dung các bài ca dao và biết cách lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục trẻ tại các vùng dân tộc thiểu số. Có như vậy, ca dao dân tộc Tày mới trở thành một phương tiện hữu hiệu để giáo dục ngôn ngữ cho trẻ trong giai đoạn đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục mầm non hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ”.
2. Trần trí Dồi (1999), *Thực trạng giáo dục ngôn ngữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi ở một số tỉnh Việt Nam*, NXB Văn hóa Dân tộc, HN.

3. Trần trí Dồi (2003), *Chính sách ngôn ngữ văn hoá dân tộc ở Việt Nam*, Nxb ĐHQGHN.
4. Nhiều tác giả (2008), *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB KHXH, HN.
5. Vũ Ngọc Phan (1942), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB KHXH, HN.
6. Hoàng Phê (2013), *Từ điển Tiếng việt*, NXB Đà Nẵng.

THE ROLE OF TAY ETHNIC FOLK SONGS IN LANGUAGE EDUCATION FOR ETHNIC MINORITY KINDERGARTEN CHILDREN

Cao Thi Thu Hoai, Hoang Thi Tra Mi, Luu Thi Hue

Abstract: Language is a very important role in developing human personality, especially in preschool children. In ethnic minority areas, Vietnamese language education has become more and more necessary and urgent in the current period. In particular, using Tay ethnic folk songs is an effective way to make an important contribution to the development of Vietnamese language ability for preschool children. On that basis, the article will analyze and clarify the specific roles of Tay ethnic folk songs in language education for preschool children in ethnic minority areas in specific aspects such as: The role of Tay ethnic group provides children with an idyllic and intimate local vocabulary system; contribute to expanding children's vocabulary through traditional folk games; Provide children with a word system rich in sounds and rhythm.

Keywords: ethnicity, Tay, language, child, preschool

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-8-2023; ngày phản biện đánh giá: 29-8-2023; ngày chấp nhận đăng: 07-9-2023)